

Số/No.: 684/2021/CV-MAFM

Hà Nội, ngày 10 tháng 12 năm 2021  
Hanoi, day 10 month 12 year 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN SAU  
GIAO DỊCH HOÁN ĐỔI**

**ANNOUNCEMENT AFTER  
EXCHANGE TRADING**

Kính gửi: Sở Giao dịch Chứng khoán TP.HCM  
To: Hochiminh Stock Exchange

- Tên CTQLQ/ *Fund Management company*: Công ty TNHH Quản lý Quỹ Mirae Asset (Việt Nam)
- Tên Ngân hàng giám sát/ *Supervisory Bank*: Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam
- Tên Quỹ ETF/ *ETF name*: Quỹ ETF MAFM VN30
- Mã chứng khoán/ *Securities symbols*: FUEMAV30
- Ngày giao dịch hoán đổi/ *Exchange date*: 09/12/2021
- Đơn vị tính lô: 1 lô ETF tương đương: 100.000 chứng chỉ quỹ ETF / *Unit: 1 ETF Creation Unit = 100,000 ETF certificates*

Danh mục đã dùng hoán đổi 1 lô ETF/ *Basket of Component Securities and Cash Component*:

STT <i>Order</i>	Mã chứng khoán <i>Securities symbol</i>	Số lượng <i>Volume</i>	Tỷ lệ % trong danh mục <i>Weighting</i>
<b>I.</b>	<b>Chứng khoán/ <i>Stock</i></b>		
1	ACB	2,900	5.4%
2	BID	200	0.5%
3	BVH	100	0.3%
4	CTG	900	1.7%
5	FPT	1,000	5.4%
6	GAS	100	0.6%
7	GVR	200	0.4%
8	HDB	1,800	3.1%
9	HPG	3,100	8.2%
10	KDH	500	1.3%
11	MBB	2,600	4.2%
12	MSN	600	5.1%
13	MWG	600	4.5%
14	NVL	700	4.5%
15	PDR	200	1.1%
16	PLX	200	0.6%
17	PNJ	200	1.1%
18	POW	600	0.5%
19	SAB	100	0.9%
20	SSI	800	2.3%
21	STB	2,300	3.7%
22	TCB	2,900	8.2%
23	TPB	900	2.6%
24	VCB	500	2.8%
25	VHM	1,400	6.4%
26	VIC	1,400	8.3%
27	VJC	300	2.0%
28	VNM	1,000	4.8%
29	VPB	3,700	7.4%
30	VRE	900	1.5%
<b>II.</b>	<b>Tiền / <i>Cash (VND)</i></b>	12,220,149	

- Chênh lệch giữa danh mục chứng khoán cơ cấu và lô chứng chỉ quỹ ETF hoán đổi/ *Difference between a basket and one lot of ETF in value*:
  - + Giá trị danh mục chứng khoán cơ cấu/ *Basket value*: 1,766,565,000 VND
  - + Giá trị lô chứng chỉ quỹ ETF/ *Value per lot of ETF*: 1,778,785,149 VND
  - + Giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Spread in value*: 12,220,149 VND
  - + Phương án xử lý đối với giá trị chênh lệch (nếu có)/ *Plan to reduce the spread*:
    - Đối với nhà đầu tư mua chứng chỉ quỹ ETF/ *For creation order*: Nộp tiền bằng giá trị chênh lệch/ *Transfer cash component*
    - Đối với nhà đầu tư bán chứng chỉ quỹ ETF/ *For redemption order*: Nhận tiền bằng giá trị chênh lệch trừ đi thuế, phí mua lại/ *Receive cash component after subtracting tax and redemption fee*

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu được thay bằng tiền (nếu có, nêu rõ lý do)/ *In case, stock can be replaced by cash, state reason:*

STT No	Mã chứng khoán Securities code	Tiền thay thế tương ứng 1 cp (VND) Substitution cash per securities (VND)	Đối tượng áp dụng Applied to	Lý do Reason
1	ACB	33,100	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
2	BID	44,000	BSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC
3	BVH	57,700	BVSC	Hạn chế đầu tư cp công ty mẹ theo Thông tư 121/2020/TT-BTC / Restriction of ownership by Circular 121/2020/TTBTC
4	FPT	95,600	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
5	MBB	28,400	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
6	MWG	133,900	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
7	TCB	50,000	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
8	TPB	51,100	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit
9	VPB	35,750	Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investor	Do cổ phiếu đã đạt tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa / The stock reaches foreign ownership limit

- Các trường hợp chứng khoán cơ cấu phát sinh sự kiện doanh nghiệp (nếu có)  
*State if component securities shall have corporate action:*
- Các nội dung khác có liên quan (nếu có)/ *Other informations:*

Chỉ tiêu/Criteria	Kỳ này/This period (*) 09/12/2021	Kỳ trước/Last period (**) 08/12/2021	Chênh lệch/ Difference
1. Số lô đã phát hành thêm/ Creation Units were issued	-	-	-
2. Số lô đã mua lại/ Creation Units were redeemed	-	-	-
3. Tổng số lượng CCQ đăng ký niêm yết/ Issued shares	38,500,000	38,500,000	-
4. Giá đóng cửa (VND/chứng chỉ quỹ)/ Closing price	18,010	17,850	160
5. Giá trị tài sản ròng tại ngày định giá/ Net Asset Value at Valuation Date			
- của quỹ ETF/ of the Fund	684,832,282,182	683,254,825,312	1,577,456,870
- của 1 lô CCQ ETF/ per ETF Creation Unit	1,778,785,149	1,774,687,858	4,097,291
- của 1 CCQ/ per share	17,787.85	17,746.87	40.98
6. Chỉ số tham chiếu/ Tracking Index	1,529.61	1,516.16	13.45

(\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 08/12/2021

(\*\*) chỉ tiêu số 5 lấy giá trị tài sản ròng tại ngày 07/12/2021

Chủ tịch công ty kiêm đại diện pháp luật

Chairman and legal representative



Huh Hong Suk